

## TRIẾT LÝ NHÂN SINH CỦA J.KRISHNAMURTI VÀ GIÁ TRỊ THỰC TIỄN ĐỐI VỚI VIỆC GIÁO DỤC NHÂN VĂN CHO CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

• Nguyễn Thị Hồng Yến<sup>(\*)</sup>

### Tóm tắt

*Krishnamurti là một nhà triết học nhân sinh lớn của thế kỷ XX. Triết học của ông đặt ra những vấn đề không chỉ là sự quan tâm của đương đại mà của mọi thời đại vì đó là những vấn đề muôn thuở của con người như số phận, sự hiện hữu, sự siêu việt và sự tha hóa... Theo ông, nguyên nhân gây ra sự tha hóa của con người trong xã hội phương Tây hiện đại là do cái tôi có nhiều ham muốn ích kỷ cá nhân. Ông đưa ra những giải pháp khuyên nhủ con người nên sống để thanh tẩy tâm hồn cá nhân và xã hội như là “đời không tâm điểm”, “Sống là hiện tượng không thời gian, tri là không suy niệm và hành động không chủ đích”. Thực chất đây là các giải pháp tâm linh, thiên về lay động, đánh thức thế giới nội tâm, đánh thức sự tự ý thức của cá nhân trong cuộc nhân sinh. Tuy không phải là cách làm mới trong lịch sử triết học và có phần duy tâm nhưng đóng góp quan trọng nhất của Krishnamurti là ở chỗ chỉ ra được vấn đề đang nổi cộm trong đời sống của mỗi cá nhân cũng như của xã hội hiện đại ngày nay.*

*Từ khóa: Cuộc đời là dòng sông thanh tẩy, sự tha hóa, triết học nhân sinh của Krishnamurti, tư tưởng nhân văn.*

### 1. Đặt vấn đề

Do áp dụng các thành tựu của khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại mà chất lượng cuộc sống ngày càng tốt hơn, con người ngày càng văn minh hơn, ngày càng tự tin hơn để làm chủ bản thân, làm chủ thế giới và để chung sống hòa bình. Nhưng ở một khía cạnh khác, người ta lại thấy rằng, thế giới thì ngày càng “phẳng” mà con người lại ngày càng xa cách nhau, mãi mê đi tìm những giá trị ảo, những hào quang phù phiếm, những giá trị vật chất thực dụng, tầm thường, thấp hèn đã chà đạp, tước đoạt sự tự do, lợi ích chính đáng và quyền được sống của bao người khác. Ai cũng muốn có cảm giác sống an yên, thanh nhàn, sung túc, cũng khao khát được sống hạnh phúc, tự do... nhưng lại có rất ít người quan tâm đến lợi ích chung của cộng đồng, rất ít người sống vì chúng ta mà chỉ chăm chăm gói gém tư duy và hành động của mình vì cái tôi ích kỷ để rồi tạo ra sự đối đầu giữa cái tôi với cái chúng ta, giữa cá nhân với xã hội. Mâu thuẫn này ngày càng phát triển đã tạo ra vô vàn những áp lực đến từ phía xã hội cũng như từ chính mỗi cá nhân.

Chúng đang bủa vây xung quanh con người làm cho họ thấy sợ hãi, lo lắng, bất an và đi tìm cách giải quyết. Con người đang hoang mang, mất phương hướng trong nhận thức và hành động, đang ngày càng trở nên tàn độc với đồng loại, với thiên nhiên. Thấu cảm được sự chệnh vênh của con người trong xã hội hiện đại, một nhà triết học nổi tiếng của thế kỷ XX đã kêu gọi con người hãy tự làm trong sạch chính mình, hãy tự thanh tẩy mình như từng giọt nước của con sông vậy. Ông chính là J.Krishnamurti! Tư tưởng nhân sinh của J.Krishnamurti được phương Tây đánh giá là đột biến trong sự chống tha hóa, khôi phục bản chất tốt đẹp của con người đã bị rơi vãi trong tiến trình vươn tới văn minh vật chất.

Ở Việt Nam, tư tưởng của J.Krishnamurti chưa được nghiên cứu nhiều, chỉ dừng ở việc giới thiệu tiểu sử và xuất bản các tác phẩm của ông với tư cách là một triết gia phương Đông có tư tưởng hiện sinh ở thế kỷ XX. Bởi triết học của ông bàn về những vấn đề không chỉ thế giới đương đại mà mọi thời đại quan tâm như: sự tha hóa, số phận, sự hiện hữu, sự siêu việt... Ông vạch ra cho chính cuộc đời của mình và mọi người nên đi theo để đạt tới sự tự do tuyệt đối, không bị vướng bận bởi bất

<sup>(\*)</sup> Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị.

cứ một trở lực vật chất hoặc một tổ chức tôn giáo nào níu kéo, là phải tự coi mình là dòng sông và luôn thanh tẩy nó với phương thức: “Đời không tâm điểm, Sống là hiện tượng không thời gian, Tri là không suy niệm và hành động không chủ đích”. Theo ông, chỉ có như vậy mới tạo ra một sự hiện hữu có giá trị trên cõi đời này. Nhờ đó, mọi đau khổ, mâu thuẫn, xung đột, chiến tranh... trong thế giới này sẽ chấm dứt.

Vài năm trở lại đây, có nhiều hành vi tranh lộc, cướp ấn, mặc cả với thần thánh phản cảm của những người đi lễ hội, đền chùa ở Việt Nam để cầu danh, cầu lợi, cầu chức, cầu quyền... cũng đáng để chúng ta phải suy nghĩ về một thực trạng hiện nay đang diễn ra trong xã hội là có rất nhiều người đã và đang tự biến mình thành nô lệ của những tham vọng của chính mình đến mức cuồng tín, còn niềm tin vào cuộc sống của họ thì ngày càng giảm đi nhanh chóng! Phải chăng sự tha hóa con người đã lên đến cực điểm còn sự tử tế, lòng nhân ái của con người ngày càng trở nên xa xỉ giữa dòng đời hối hả đầy biến động của hôm nay và có thể vẫn hiện hữu ở cả ngày mai? Bởi ngay cả các thiết chế xã hội về đạo đức, luật pháp của Nhà nước ngày càng chặt chẽ và hoàn thiện cũng bất lực trước sự tham lam, tàn nhẫn của nhiều kẻ máu lạnh. Xu hướng những kẻ máu lạnh ngày càng trẻ hóa làm cho xã hội càng hoang mang, lo lắng. Một khi cơ chế điều chỉnh hành vi con người từ phía xã hội mà chưa đủ mạnh thì cần phải tìm đến sức mạnh nội lực của mỗi cá nhân hỗ trợ may ra mới ngăn chặn mầm mống của cái ác!

Đã đến lúc chúng ta nên đọc lại triết lý nhân sinh J.Krishnamurti vì những giá trị nhân văn của triết lý này khá phù hợp với văn hóa tâm linh, tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người Việt Nam hiện đại. Triết lý này sẽ giúp ích thêm cho mỗi người biết tự điều chỉnh lối sống, cách hành xử cho đúng mực, biết tịnh tâm để nhìn lại mình và dừng lại bên này cái đúng, cái thiện, cái đẹp. Không vì những toan tính độc ác, tham lam mà đánh mất mình, bị tha hóa để rồi phải trả giá đắt cho những hành động sai lầm của bản thân.

## **2. Tư tưởng nhân văn trong triết học nhân sinh của J.Krishnamurti**

### **2.1. Vài nét cơ bản về tư tưởng nhân văn hiện đại**

Xét ở cấp độ thế giới quan, chủ nghĩa nhân văn là toàn bộ những tư tưởng, quan điểm, tình cảm quý trọng các giá trị của con người như trí tuệ, tình cảm, phẩm giá, sức mạnh, vẻ đẹp. Chủ nghĩa nhân văn không phải là một khái niệm đạo đức đơn thuần mà bao hàm cả cách nhìn nhận, định giá con người về nhiều mặt như vị trí, vai trò, khả năng, bản chất... trong quan hệ với tự nhiên, xã hội và cộng đồng. Chủ nghĩa nhân văn còn được hiểu là chủ nghĩa nhân bản là một nhánh của triết học luân lý chuyên bàn về lợi ích, giá trị và phẩm cách của con người. Theo chủ nghĩa nhân văn thì bao dung, bất bạo động và tự do, lương tâm là những nguyên tắc quan trọng cho sự cộng sinh của nhân loại. Thời hiện đại, phong trào nhân văn gắn với chủ nghĩa thế tục phi tôn giáo và một nhân sinh quan phi thần thánh. Theo Tuyên ngôn Amsterdam 2002, chủ nghĩa nhân văn mới hiện đại bao gồm các nội dung cơ bản sau: chủ nghĩa nhân văn mang tính đạo đức. Nó khẳng định giá trị, sự tôn nghiêm và tính tự chủ cá nhân, khẳng định quyền của mọi người đối với tự do lớn nhất có thể khi quyền đó tương hợp với quyền lợi người khác; chủ nghĩa nhân văn mang tính chất lý tính. Dùng khoa học một cách sáng tạo chứ không phải phá hoại; chủ nghĩa nhân văn ủng hộ dân chủ và quyền con người. Dân chủ và sự phát triển đầy đủ nhất theo khả năng của mỗi người là bản chất của quyền con người; chủ nghĩa nhân văn chủ trương tự do cá nhân phải đi đôi với trách nhiệm xã hội; chủ nghĩa nhân văn là một đáp ứng đối với yêu cầu rộng rãi nhằm thay thế cho những tôn giáo giáo điều; chủ nghĩa nhân văn coi trọng sự sáng tạo nghệ thuật và trí tưởng tượng, thừa nhận tầm quan trọng của nghệ thuật đối với sự phát triển và thành đạt của con người; chủ nghĩa nhân văn là cách sống nhắm đến sự thành đạt lớn nhất trong khả năng có thể bằng cách trau dồi một cuộc sống đạo đức và sáng tạo [8]. Với những nội dung cơ bản trên thì chủ nghĩa nhân văn mới đã đảm bảo

hài hòa giữa đạo đức và lý trí, tình cảm tinh thần và pháp lý, giữa dân chủ và quyền con người, giữa tự do cá nhân và cộng đồng, khoa học, lý tưởng tôn giáo và nghệ thuật, giữa giáo dục và cuộc sống. Triết lý nhân sinh của J.Krishnamurti đạt được một số nội dung trên nên xứng đáng được gọi là một học thuyết triết học nhân văn.

## 2.2. Tư tưởng nhân văn trong triết lý nhân sinh của J.Krishnamurti

### 2.2.1. Hoàn cảnh ra đời triết lý nhân sinh của J.Krishnamurti

Trong thế kỷ XX, xã hội phương Tây đã khai thác triệt để các thành tựu của khoa học kỹ thuật để nâng cao đời sống vật chất của mình và tưởng rằng đời sống tinh thần cũng được phát triển song hành. Càng mải mê chạy theo những giá trị vật chất bao nhiêu thì đổi lại là sự cô đơn, trống vắng, hẫng hụt về đời sống tinh thần, đời sống nội tâm, tâm linh của con người ngày càng tột tệ bấy nhiêu. Để chống lại tâm lý sùng bái đời sống tiện nghi vật chất - con đê và hệ lụy của chủ nghĩa kỹ trị và chủ nghĩa duy lý, từ thập niên 30 của thế kỷ XX trở đi, nhiều trào lưu triết học phi duy lý mới ra đời ở phương Tây như chủ nghĩa Hiện sinh, chủ nghĩa Freud. Những trào lưu sống theo phong cách Hiện sinh hay Freud thậm chí là thực dụng đi chăng nữa cũng chỉ dừng lại ở mức độ cảnh báo để chống lại mức độ tha hóa của con người không triệt để. Ví dụ như Nietzsche muốn đập phá tất cả những giá trị hiện thời để đưa con người thành siêu nhân và bất kỳ ai cũng có thể trở thành siêu nhân nếu họ tiến hành phê phán và biết chấp nhận sự phê phán. Còn S.Freud lại đi tìm sức mạnh nội lực, bản năng sinh học, cái vô thức của con người để chống lại quy tắc, định kiến của xã hội. Ngay tại nước Mỹ là biểu hiện cao nhất của chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa kỹ trị thì chủ nghĩa hiện sinh kết hợp với chủ nghĩa thực dụng để giải thoát con người khỏi sự cô đơn cũng chưa thực sự hiệu quả... Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa phi duy lý này được xem là biểu hiện sự giằng xé nhân sinh của con người phương Tây hiện đại. Triết gia thế tục J.Krishnamurti đã xuất hiện đúng lúc để góp thêm vào lời giải đáp thấu đáo hơn, sâu sắc hơn

về nỗi trần trụi của con người phương Tây hiện đại đang lạc lối, dò đường đi cho số phận của mình giữa dòng xoáy vô tận của xã hội mà ở đó sự tôn sùng văn minh vật chất đã đẩy con người tới sự tha hóa lên đến đỉnh điểm.

J.Krishnamurti đã hai lần xuất hiện với tư cách là hiện tượng của thế giới. Lần thứ nhất, với tư cách là hiện thân của nhà tiên tri thế giới và lần thứ hai là nhà tư tưởng của thế giới. Sự ra đời và quá trình phát triển của tư tưởng J.Krishnamurti đã chịu ảnh hưởng của ba nhân tố quan trọng là truyền thống và văn hóa Ấn Độ; tư tưởng nhân sinh, chủ nghĩa nhân văn trong lịch sử triết học; và điều kiện kinh tế - xã hội, chính trị, văn hóa, khoa học của các nước phương Tây hiện đại. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng triết học của J.Krishnamurti được chia làm 3 giai đoạn chính. Giai đoạn 1, từ 1895-1929, đây là thời kỳ J.Krishnamurti tiếp nhận các quan niệm huyền bí của tôn giáo để chuẩn bị tư tưởng trở thành chân sư của thời đại hay người lãnh đạo tinh thần của thế giới tương lai. Giai đoạn 2, từ 1929-1947, đây là thời kỳ J.Krishnamurti xây dựng tư tưởng riêng, độc lập của mình. Giai đoạn 3, từ 1947-1986, là thời kỳ J.Krishnamurti đi du thuyết, truyền bá tư tưởng của mình. Trong gần 50 năm du thuyết tư tưởng nhân sinh của mình, ông đã để lại cho nhân loại những tác phẩm tiêu biểu sau: *Ý nghĩa về sự chết, đau khổ và thời gian, Giảm trừ kiến thức, Lời cuối bình yên, Đối diện cuộc đời, Đại bàng cất cánh, Hướng đi cho cuộc đời, Bạn làm gì với đời mình, Cuộc đời phía trước...*

Cuộc đời của J.Krishnamurti đi qua hai thế kỷ với nhiều sự kiện trọng đại diễn ra trên thế giới đã làm thay đổi nhận thức của ông về nhân loại. Với những biến cố ngẫu nhiên đã làm cuộc đời của ông thay đổi qua nhiều bước ngoặt mà chính ông cũng không thể tiên liệu được. Từ đó đã giúp ông chiêm nghiệm được một điều rằng, hướng đi của cuộc đời là một sự tổ hợp của nhiều nhân tố ngẫu nhiên. Con người phải bản lĩnh để “Đối diện với cuộc đời”, tức là đối diện với chính mình với kỳ vọng giải phóng mình khỏi những ám ảnh, những níu kéo của những giá trị ảo để đi về vương quốc tự do.

### 2.2.2. Tính nhân văn trong triết lý nhân sinh của J.Krishnamurti

Jiddu Krishnamurti (1895-1986) là một trong những nhà tư tưởng lớn của Ấn Độ hiện đại. Ông được tạp chí uy tín Time bình chọn là một trong năm nhà tư tưởng lớn của thời đại khi ông đã đi tìm trong thế giới nội tâm của con người những mâu thuẫn để đưa ra những lời giải mới về nhân sinh. Tư tưởng chủ đạo của triết học J.Krishnamurti là tư tưởng về con người, về cuộc nhân sinh mà nội dung chính là chống sự tha hóa. Các giải pháp Krishnamurti nêu ra để chống sự tha hóa mang tính hướng nội khác biệt với các nhà triết học khác là mang tính hướng ngoại. J.Krishnamurti khi còn nhỏ thường thả tâm hồn mình vào thế giới xa xăm đang chập chờn chứa nhiều điều bí ẩn nên bị hiểu nhầm là có một trí tuệ chậm phát triển, có dấu hiệu đần độn. Nhưng vào năm 1909, một bước ngoặt lớn đã thay đổi cuộc đời của J.Krishnamurti khi ông được ngài Charler Webster Leadbeater - người giữ trọng trách thuyết giáo của Hội Thông thiên học bằng trực giác của mình đã phát hiện ra Krishnamurti khi đó mới 14 tuổi là hiện thân của Bồ Tát Di Lạc. Ngay lập tức, ông được vào học tại trường Bí giáo của Hội Thông thiên học với sự giáo dục và chăm sóc đặc biệt bởi các vị chân sư nổi tiếng của Hội để sau này trở thành bậc đạo sư lãnh đạo tinh thần của thế giới tương lai với tư cách như là Đức Phật, Đức Chúa chỉ đường cho thế giới ra khỏi mê cung lầm lạc. Vào năm 1911, Hội Ngôi sao phương Đông được thành lập và J.Krishnamurti được cử làm chủ tịch hội - đây là chuẩn bị cho sự xuất hiện của bậc đạo sư lãnh đạo phần hồn của thế giới ngày mai. Rồi Chiến tranh thế giới lần thứ nhất nổ ra (1914-1918) đã làm thay đổi tư tưởng của J.Krishnamurti. Ông không còn phụ thuộc vào Thông thiên học nữa mà trở nên độc lập và sớm bộc lộ tính nhân văn, nhân bản của mình khi ông tham gia vào Hội Chữ thập đỏ ở Anh để chăm sóc thương binh. Vào ngày 3/8/1929, tại Ommem, J.Krishnamurti đã long trọng tuyên bố giải tán Hội Ngôi sao phương Đông làm cho 3000 hội viên cảm thấy chông chênh khi thiếu vắng hình ảnh Krishnamurti trong tâm linh của mình. Nhưng J.Krishnamurti thì hiểu rất rõ điều

này. Với ông, đây là kết quả tất yếu của một quá trình suy ngẫm và nhìn nhận về thế giới hiện đại từ chính trong lòng nó chứ không phải từ cái nhìn của đấng cứu chuộc mơ hồ nào đó. J.Krishnamurti cho rằng, con người tạo ra tôn giáo từ những điều họ cho là linh thiêng mà tư duy của cá nhân không thể lý giải. Sự hình thành tôn giáo gắn liền với quá trình đánh mất niềm tin ở chính mình, một trong những đặc tính cao quý nhất mà chỉ có con người mới có. Đây là biểu hiện đầu tiên của sự tha hóa về tinh thần. Niềm tin thực tế đã chuyển thành niềm tin hão huyền. Những điều mà tôn giáo ban cho con người chỉ là những giấc mộng suông. Tôn giáo không phải là cứu cánh để giải thoát, để an ủi tinh thần của con người mà đích thị là gọng kìm trói buộc sự sáng tạo của con người. Điều này cho thấy, J.Krishnamurti đã nhận ra sự bế tắc, khủng hoảng trong tư tưởng của con người phương Tây ở thời kỳ hiện đại và ông đã tiến gần sát với quan điểm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác về tôn giáo khi ông cho rằng, tôn giáo và các tổ chức tâm linh của tôn giáo cũng chỉ là và cũng chỉ có thể là những liều thuốc an ủi con người, là vitamin của nhân dân mà thôi. Điều này mặc dù cần phải được thẩm định lại trong tiến trình phát triển của xã hội loài người trong cả hiện tại và cả tương lai nhưng trong chừng mực phương Tây đang khủng hoảng về tư tưởng và chông chênh về niềm tin tôn giáo thì việc làm này cũng được coi là một biểu hiện nhân văn trong tư tưởng của ông. J.Krishnamurti đã nhân danh con người của xã hội ngày mai, mở đường hướng mới cho triết lý nhân sinh hiện đại bằng hai chữ: tự do, bởi cả cuộc đời của ông chỉ muốn tìm được cách thức làm cho cá nhân đạt tới tự do. Ông nói: “Tôi chỉ có mục tiêu duy nhất: giải thoát con người, thôi thúc anh ta về phía tự do, giúp anh ta thoát khỏi mọi giới hạn, vì chỉ duy điều đó mới đem lại cho anh ta hạnh phúc vĩnh cửu, đem lại cho anh ta nhận thức vô điều kiện về bản ngã bởi vì tự do vô điều kiện toàn diện chứ không phải một phần nào đó, không phải tương đối, mà là chân lý tổng thể vốn vĩnh cửu”[3, tr.147]. Làm sao để có tự do? Trong tác phẩm *Cuộc đời phía trước*, J.Krishnamurti đã chỉ rõ: “... Nhưng vẫn còn đó

một cuộc cách mạng, cuộc cách mạng này hoàn toàn khác và nhất định phải xuất hiện nếu chúng ta muốn thoát khỏi chuỗi dài bất tận của những bản khoán lo lắng, của những bối rối và xáo trộn. Cuộc cách mạng này phải diễn ra, không phải chỉ diễn ra trong lý thuyết hoặc trong tư tưởng (nếu chỉ diễn ra trong lý thuyết không thôi thì cũng vô nghĩa) mà phải diễn ra ngay trong tâm hồn mỗi người, phải là một sự thay đổi cơ bản ngay trong tâm hồn mỗi người” [6, tr. 9-10].

Từ 1938 -1947, Krishnamurti chuyển đến sống tại Hoa kỳ, được coi là thời kỳ đoạn tuyệt với tư tưởng là đấng cứu chuộc cho xã hội tương lai để trở thành triết gia thế tục và xây dựng tư tưởng triết học nhân sinh mới của mình. Đây cũng là giai đoạn diễn ra Chiến tranh thế giới thứ hai, Krishnamurti đã phản đối cuộc chiến tranh này, cho đó là một cuộc chiến tranh phù phiếm, vô tích sự. Với ông, cuộc chiến trong mỗi con người mới là một cuộc chiến vô cùng khắc nghiệt, cuộc chiến của chính con người với bóng của mình. Đó là một cuộc chiến muôn thuở từ khi sinh ra xã hội loài người và nếu con người chiến thắng được cái bóng của mình thì đó mới là chiến thắng vĩ đại nhất. Đó cũng là một bằng chứng về tính nhân văn trong tư tưởng của Krishnamurti.

Với hàng loạt các tác phẩm xoay quanh bàn về các chủ đề của triết lý nhân sinh, Krishnamurti đã dành nửa cuộc đời sau này của mình để ưu tư về số phận và hướng đi lên của con người trong xã hội hiện đại. Và cuộc đời của Krishnamurti là một sự không ngừng nghỉ vươn lên để chiến thắng những rào cản của chính bản thân con người. Ông tuyên bố: “mục đích của tôi là làm cho mọi người tự do một cách vô điều kiện... do đó, tôi muốn giải thoát con người được tự do, vui thích tung tăng như con chim trong bầu trời quan đấng, không bị nặng nề, ứ đọng độc lập ngậy ngất trong nền tự do ấy”[7, tr. 237]. Nhìn từ cuộc đời của mình với nhiều biến cố ngẫu nhiên dẫn dắt, tác động mà bản thân ông cũng không tiên liệu được, Krishnamurti khẳng định, “Hướng đi cuộc đời” như là sự tổ hợp của nhiều nhân tố. Xuyên qua những nhân tố ngẫu nhiên đó, con người sẽ bản lĩnh “Đối diện cuộc đời”, đối diện với chính

mình với kỳ vọng sẽ giải phóng con người khỏi những ám ảnh, những níu kéo của những giá trị ảo để vươn tới ánh sáng tự do.

Công bằng mà nói, việc đề cao lý tính của con người có ý nghĩa quan trọng trong sự chống lại các tín điều của Ki tô giáo, khẳng định được sức mạnh của con người tại thế làm biến đổi tự nhiên, phát triển mọi mặt đời sống của mình. Chính Blaise Pascal phải thốt lên: “Con người... đó là cây sậy biết tư duy” [1, tr. 339]. Quá say sưa với bài ca duy lý, người ta đã đưa nó lên tận mây xanh. Lý tính được coi là công cụ vạn năng để tháo gỡ mọi khúc mắc trong tâm hồn và mâu thuẫn trong xã hội nhưng thực tế, phát triển của xã hội và đời sống cá nhân đã không song hành. Sự bất lực đầu tiên của lý tính là không cắt nghĩa nổi những hiện tượng của đời sống nội tâm. Người ta đã phát hiện ra rằng thế giới nội tâm và tâm linh của con người cũng mênh mông như vũ trụ vậy mà con người thì lại hiểu biết quá ít về bản thân mình. Pascal đã từng thốt lên: “Con tim có những lý lẽ riêng của nó mà lý trí không thể can thiệp”[1, tr. 336] Điều đó có nghĩa là những xúc cảm, tình cảm của con người nhiều khi không thể cắt nghĩa bằng lý tính. Vì vậy, cần phải nhìn nhận con người như một đối tượng đặc biệt trong tự nhiên. Với con người, cần phải có những phương cách tiếp cận riêng biệt, không thể sử dụng các phương pháp của khoa học tự nhiên để nghiên cứu con người. Thế mà lý tính với con đề của mình là các phương tiện kỹ thuật công nghệ về mặt hình thức đã ngộ nhận cho rằng đã giải phóng con người nhưng thực ra là biến họ thành rô bốt không hồn. Vì thế chủ nghĩa phi duy lý với sứ mệnh lý giải những bí ẩn, phức tạp trong tâm hồn con người đã xuất hiện. Với các trào lưu Hiện sinh, Freud, Thực dụng, Nhân vị cố khai thác những yếu tố tâm linh, đời sống nội tâm, yếu tố bản năng của con người để tạo ra sự cân bằng trong quá trình hiện hữu của mình song vẫn rất chông chênh. Krishnamurti đã nhận thấy điều đó. Triết học của J.Krishnamurti là một màu sắc khác của chủ nghĩa phi duy lý, cùng chiến tuyến với chủ nghĩa hiện sinh chống lại chủ nghĩa duy lý song khác về phương pháp. Nếu chủ nghĩa hiện sinh kết tội chủ nghĩa duy

lý làm tha hóa con người thì J.Krishnamurti cho rằng chủ nghĩa duy lý đã bắt lực trong việc giải phóng con người. Ông bắt đầu xây dựng lâu đài tư tưởng nhân sinh của mình bằng cách phê phán sự bất khả thi của chủ nghĩa duy lý mà mũi nhọn là chỉ ra sự bắt lực và có giới hạn của lý tính. Đây là một màu sắc nhân văn mang tên J.Krishnamurti.

### **Những chủ đề chính trong triết lý nhân sinh của J.Krishnamurti:**

Triết học nhân sinh của Krishnamurti bàn về rất nhiều chủ đề liên quan đến đời sống nhân sinh với mục đích khắc phục tha hóa của con người song hành với sự vận động và phát triển của xã hội. Trong khuôn khổ của bài báo này chỉ tập trung làm rõ tính nhân văn của hai chủ đề quan trọng nhất trong triết lý nhân sinh của Krishnamurti đó là: *Cuộc đời là "dòng sông thanh tẩy"; Cuộc đời không tâm điểm và Hướng đi cho cuộc đời.*

#### *a. Cuộc đời là "dòng sông thanh tẩy"*

Theo Krishnamurti, đời người cũng như dòng sông và dòng sông cũng biến đổi không ngừng. Nhưng con người - dòng sông ấy đã và đang bị nhiễm bẩn, đang bị băng hoại. Với ông, phải cứu lấy dòng sông ấy bằng cách thanh tẩy, bằng cách làm sạch để cho dòng sông ấy trở về dạng tinh nguyên ban đầu. Krishnamurti giải thích tiếp, con người là sinh vật có ý thức và ngôn ngữ, nhờ đó mà tạo ra cái tôi của mình với tư cách là cá nhân không có bàn tay can thiệp của các thần linh. Từ cái tinh nguyên ban đầu, con người đã tự tha hóa mình bằng tư tưởng tích trữ do ý thức được về cái tôi của mình. Sự tích trữ sẽ xô đẩy cá nhân đến tình trạng cá nhân không thể giải thích được và không thể truyền đạt. Krishnamurti cho rằng, chính sự phát triển của ý thức cá nhân trở thành nguyên nhân của sự tha hóa. Theo ông, con người càng tự khẳng định mình thì càng tự đánh mất mình. "Tôi càng khẳng định mình bao nhiêu, có nghĩa là tôi càng rút lui vào những biên giới nhỏ xíu bấy nhiêu, thì tôi càng nhận thấy mình là một mảnh li ti giữa vô số những nổi hiểm nguy bấy nhiêu" [2]. Nghĩa là con người càng tô điểm cho mình bao nhiêu lại càng đánh mất mình bấy nhiêu. Vì thế, để trở về với bản tính nguyên sơ, ở đó mọi

người thân thiện với nhau và ngôn ngữ hàng ngày không có cái tôi, cái của tôi mà chỉ có cái chúng ta và cái của chúng ta thì đời cần phải không tâm điểm, không chủ đích, không suy niệm. Chính con người - dòng sông ấy đã tự làm vẩn đục mình bằng những hành vi hướng ngoại để phóng chiếu cái tôi của mình nên con người bị hụt hơi trong quá trình đó, do đó con người không biết đó là hành vi mạo hiểm. Cái tôi của Krishnamurti nói chính tới chính là ý thức, nó là nguyên nhân của sa sút về tinh thần. Vì sao ý thức lại dẫn con người đánh mất bản ngã nguyên trình của nó? Krishnamurti giải thích: nói đến con người là nói đến sự tự ý thức, sự tự khẳng định. Con người đâu có biết rằng, càng tự khẳng định mình bao nhiêu là càng mở rộng cái tôi bấy nhiêu. Krishnamurti nói: "tôi càng triển khai mình bao nhiêu thì tôi càng bao bọc mình bấy nhiêu và đeo bám chặt hơn vào sự định nghĩa chính mình.... và chúng ta càng bị hấp dẫn với sự thỏa mãn bao nhiêu thì càng đau đớn khi chúng ta nhận ra giới hạn của nó bấy nhiêu" [2]. Sống với giá trị ảo và một khi con người phát hiện ra nó sẽ rơi vào trạng thái sợ hãi. Krishnamurti gọi đó là tình trạng sợ hãi căn nguyên. Trạng thái này đeo đẳng con người như một cái bóng và nguyên nhân của sự mất an ninh trong sự hiện hữu: "Tôi càng khẳng định mình bao nhiêu, càng buộc với mình bao nhiêu thì tôi càng hoảng kinh bởi tất cả cái ở bên kia, tất cả mọi cái mà nó không phải là của tôi thì tôi càng cô lập mình, tôi càng trở nên hoảng sợ bấy nhiêu" [2].

Krishnamurti lý giải sự tích trữ và khuếch trương của ý thức là nguyên nhân của thống khổ và bất an trong mỗi cá nhân. Giống như một dòng sông tuôn chảy, mỗi cá nhân là một giọt nước của dòng sông ấy. Mỗi cộng đồng là một con suối và trăm ngàn con suối sẽ đổ vào sông và trăm ngàn con sông cũng sẽ hòa vào biển cả. Do vậy để thanh tẩy dòng đời phải bắt đầu từ những cá nhân với tư cách là giọt nước. Sự thanh tẩy không phải là hoa hồng rắc trên bề mặt của dòng sông ấy mà là tự trong đáy sâu của dòng sông ấy. Đây không phải là đẻo củi tìm trầm mà là giữ cho trầm vẹn toàn hương thơm tinh túy của nó. Trầm phải là gốc của mọi loại hương thơm: "Có thể con sông

ấy có một bắt đầu và một kết thúc. Nhưng cái bắt đầu thì không phải dòng sông, cái kết thúc cũng không phải là dòng sông. Dòng sông là dòng nước chảy ở giữa. Nó đi qua làng mạc, đô thị và người ta ném mọi thứ xuống nó. Sông bị ô nhiễm, rác rưởi và nước cống tuôn xuống mình, nhưng chỉ ít năm sau, sông tự mình thanh tẩy. Trong dòng sông đó, mọi sự sinh sống, cá lội bên dưới và con người uống nước ở trên. Dòng sông đó, đằng sau nó là áp suất lớn lao của nước đã diễn tiến thanh tẩy. Tâm trí thơ ngây như dòng sông. Không bắt đầu, không chấm dứt - không thời gian”[5, tr. 192]. Như vậy, thanh tẩy không có nghĩa là xóa bỏ mà làm cho mình thanh khiết trở lại như cái trình nguyên ban đầu. Với cách quan niệm này, con người được Krishnamurti khai thác, nhìn nhận từ thế giới nội tâm. Nó thể hiện cái nhìn sâu lắng và thâm trầm về kiếp người của ông.

Tóm lại, với Krishnamurti, đời như dòng sông và dòng sông ấy phải được thanh tẩy - đây là chủ đề chính trong triết học nhân sinh của ông. Nguyên nhân làm cho dòng sông bị ô nhiễm, con người bị tha hóa làm mất nhân vị của mình là do con người đã tích trữ và khuyếch trương cái tôi của mình, tìm cách thu nạp cái vốn không phải của mình (giá trị vật chất và giá trị tinh thần). Tích trữ là biểu hiện của sự tham lam, quá tải, còn khuyếch trương nó lên trong mọi phương diện để quảng bá cho cái tôi vì thế đã làm cho dòng sông trở nên vẩn đục. Cần phải thanh tẩy để dòng sông đó trở về cái trong trẻo ban đầu. Thanh tẩy không phải loại bỏ mà làm cho nó chảy đúng hướng, đúng như cái tự nhiên vốn có của nó. Để giữ cho dòng sông không nhiễm bần trở lại, cuộc đời trở nên thánh thiện thì cần phải xác định con đường nên đi là: *Đời không tâm điểm và Hướng đi cuộc đời*.

*b. Đời không tâm điểm và Hướng đi cho cuộc đời*

Con người trước khi hành động luôn đặt mục đích và cách để hoàn thành mục đích đó. Khi mục đích đã đạt được không phải là điểm kết thúc của hành động mà chỉ là kết thúc một tích trữ và là khởi đầu cho một tích trữ mới và càng ngày càng mở rộng, vì vậy sự tha hoá con người ngày càng tăng lên. Theo Krishnamurti “đó là một cuộc chiến

vô cùng” [4, tr. 159] vì ta “cứ nhắm vào một trật tự bên ngoài, rồi từ phía bên ngoài ấy, ta lại điều chỉnh cuộc đời ta theo những quyết định bên trong khiến cho con người rơi vào những xung đột kéo dài”[4, tr. 159]. Nghĩa là khi ta đặt quá nhiều mục đích để thoả mãn thì mỗi mục đích sẽ trở thành một phần tử trong tập rỗng. *Đời không tâm điểm* được hiểu ở 2 nghĩa. Thứ nhất, đời là hiện hữu của con người như thế nào thì hãy để nguyên như thế, không cần đến sự trang điểm. Thứ hai, đời là không cần phải đặt ra những tâm điểm để tuân theo, để trở thành nô lệ của những tâm điểm đó. *Đời không tâm điểm* được biểu hiện ở 3 khía cạnh sau: *Sống là hiện tượng không thời gian, biết là không suy niệm và là hành động không chủ đích*. Đó là những con đường để con người tự hoàn thiện mình để trở lại những giá trị trình nguyên ban đầu, với tính nguyên thủy của xã hội chưa bị tạp chất của cá nhân làm vấy bẩn dòng chảy. Đó là hướng đi cuộc đời, là con đường giải thoát khỏi hiện thực. Trong đó, *sống không thời gian* được hiểu là: “Anh có thể được giải thoát, nhưng phải ở hiện tại, ngay bây giờ đây chứ không phải ở ngày mai” [3, tr. 196]. Quá khứ là những bản tính tình nguyên, bản tính tự nhiên của con người đã bị biến tướng trong quá khứ do con người đã sống với những giá trị ảo và nguy hại hơn nó được phóng chiếu trong tương lai. Vì vậy, sống là hiện tượng không thời gian là sống nhập cuộc và hiện hữu ngay trong hiện tại. Nó không có nghĩa là sống không trong thời gian mà vẫn sống trong thời gian nhưng đó là thời gian của chính mình với ý nghĩa do chính chủ thể tạo ra. Nó thể hiện năng lực sống của chủ thể, là “đi thẳng vào cuộc sống, đừng tránh né một bên. Phải nhập với cuộc sống, phải tự mình là cuộc sống”[3, tr. 190]. Còn *Hành động không chủ đích* là hành động trong một khối thống nhất vẹn toàn vì hành động của một con người cụ thể được bao quanh trong một không gian cụ thể và được xác định trong một thời gian cụ thể. Hoạt động không chủ đích được hiểu như là một sợi dây nối giữa con người với cuộc sống để bảo tồn những giá trị vốn có của nó chưa bị pha tạp trong cuộc đời, đời chưa làm tha hóa nó. Hành động không chủ đích còn là hành

động trong trạng thái tự do không bị chi phối bởi bất cứ quan hệ nào. Lúc này, họ sống đúng với trạng thái hưng phấn của họ, vượt qua những rào cản của lý tính ngăn chặn trạng thái hưng phấn. Hoạt động không chủ đích còn được hiểu là loại bỏ những việc làm nửa vời, lừng chừng. Nghĩa là hành động không kéo dài trong quá khứ hay vất qua tương lai, mà là hành động ngay lập tức. Theo ông, bản chất của hành động này là không có sự can thiệp của quá khứ và tương lai. Con người chịu trách nhiệm về hành động của mình. Rộng ra là con người tự quyết định trạng thái hành động của mình và mọi sự lựa chọn của con người về trạng thái hành động đều phải được xem là đúng. Đó là hành động hết sức rõ ràng không cần bất cứ một sự che đậy nào và lúc đó con người đã bỏ đi những mặc cảm: “Sợ những tiếng đời dị nghị dèm pha luôn luôn che phủ bản thân bằng những cái bề ngoài đó” [4, tr. 426] để đối diện, để nhìn thẳng vào cái đang là - đó chính là mình chứ không phải người khác.

Theo Krishnamurti, *Không tâm điểm cũng chính là một hướng đi cho cuộc đời*, đó là đi trong thanh tịnh và bền vững. Cuộc đời của Krishnamurti là minh chứng thuyết phục nhất về hướng đi đúng cho cuộc đời để mọi người nhìn vào, học theo để thanh tẩy mọi tham vọng của mình trên hành trình nhân sinh của mình. Krishnamurt đã từ chối tất cả vòng hào quang của tôn giáo, nhẫn nại để tự giải thoát chính mình ra khỏi ảo tưởng và sự mê hoặc; khỏi sự tự tôn kiêu hãnh, khỏi hư danh và mọi hình thức thống trị bằng quyền uy thế lực đối với kẻ khác để giải thoát linh hồn mình. Tiếp cận triết lý nhân sinh của Krishnamurt dù ở góc độ nào mà lấy sự vươn lên của con người trong sạch thanh cao thì đều đáng trân trọng. Có thể *Đời không tâm điểm và hướng đi cho cuộc đời của Krishnamurti* có cái nhìn thiên lệch về sự suy tôn những giá trị vốn có ban đầu và bị nhiều nhà triết học cho đó là duy tâm nhưng nếu duy tâm thông minh còn hơn duy vật mà thô thiển. Trên tinh thần của phép biện chứng duy vật, ta nên đi tìm vàng trong triết lý nhân sinh của Krishnamurti những điểm hay, ý đúng để góp thêm một lời khuyên bổ ích cho

con người có cách suy nghĩ và hành động phù hợp đừng làm tổn thương thế giới xung quanh thêm nữa.

### 2.3. Giá trị thực tiễn của tư tưởng nhân sinh của Krishnamurti trong việc giáo dục nhân văn đối với con người Việt Nam hôm nay

Giải đáp những vấn đề về xã hội, về cuộc sống của con người, không phải bây giờ mới bàn tới mà các nhà triết học ngay từ thời cổ đại ở cả phương Đông và phương Tây đã đi tìm đường hướng cho nhân loại với mong muốn xây dựng một thế giới đại đồng, con người sống hòa mục với nhau như anh em một nhà, “tứ hải giai huynh đệ”... Rất nhiều, rất nhiều nhà triết học dù đứng trên lập trường duy tâm hay duy vật, có cái nhìn biện chứng hay siêu hình về nhân sinh cũng đều cố gắng đưa ra cách giải quyết các vấn đề xã hội và con người với mong muốn hiệu quả nhất, triệt để nhất. Điềm chung này cho thấy các học thuyết triết học dù là cổ hay kim, đông hay tây, nhân sinh hay tôn giáo đều thấm đẫm tinh thần nhân văn. Nhưng dường như vấn đề nhân sinh của cả nhân loại, của từng dân tộc cũng như của mỗi cá nhân vẫn chưa giải quyết được tận cùng nguyên nhân của nó khi phương tây hiện đại bước vào giai đoạn kỹ trị và chủ nghĩa duy lý thống trị. Lập lánh trên bầu trời triết học của phương Tây hiện đại thế kỷ XX là “hiện tượng Krishnamurti” “có phong cách nhân sinh mới” đã góp thêm một tiếng nói, một cách tiếp cận mới mang tính hướng nội để lý giải những điều bí ẩn trong mỗi con người mà ông ví nó cũng bí ẩn như vũ trụ bao la vậy.

Triết lý của Krishnamurti tập trung bàn về sự giải thoát để cho tâm hồn con người trở nên thánh thiện trong cõi đời đầy cám dỗ và chàm bầy. Chàm bầy mà ông nói đến chính là toan tính cá nhân trong việc mưu cầu danh lợi sẽ đẩy con người đến sự tha hóa. Phương cách giải thoát của Krishnamurti khỏi sự tha hóa có ảnh hưởng nhất định trong các lĩnh vực khoa học, nghệ thuật, giáo dục, tâm lý học, thể thao... Trong xã hội hiện đại, khi khoa học càng phát triển bao nhiêu thì vấn đề thế giới tâm linh càng bất ổn bấy nhiêu. Sự xuất hiện của Krishnamurti như là một sự cứu rỗi cho sự khủng hoảng đó. Krishnamurti không loại bỏ

khoa học mà chỉ tìm cách đưa con người thoát khỏi mê cung của sự sùng bái khoa học một cách thái quá. Vì vậy, triết lý nhân sinh của Krishnamurti trở thành nhịp cầu nối khoa học và tôn giáo.

Cuộc đời và lời khuyên của ông đã có ảnh hưởng sâu sắc đến ý thức nhân loại ở nửa sau thế kỷ XX. Tư tưởng nhân sinh của Krishnamurti không chỉ hợp với giới trí thức, uyên bác, với người lớn tuổi từng trải có thời gian để chiêm nghiệm cuộc đời mà nó còn phù hợp với giới trẻ. Sinh thời, khi đi thuyết giảng cho học sinh, sinh viên của các trường học, ông luôn tạo ra một bầu không khí thoải mái, không sợ hãi, không kèn cựa, khuyến khích các em tự tìm về nội tâm, tìm hiểu về chính mình, thức tỉnh cảm quan của họ về cái đẹp của thiên nhiên, về sự cảm thông với những thống khổ của kiếp người, khuyến khích họ đi vào những đề tài sinh động, phức tạp nhất đó là hoạt động tâm não con người. Cả cuộc đời của ông kiên trì với lý tưởng “để cho mọi người được tự do, giải thoát vô điều kiện”. Chính vì vậy, lúc cuối đời, nhiều người trẻ ở Mỹ vẫn tìm đến ông như là tới ngôi dưới một tàng cây cổ thụ rủ bóng để ươm tâm phân tâm hồn.

Thiết nghĩ, việc nghiên cứu triết lý nhân sinh của Krishnamurti có ý nghĩa to lớn đối với việc giáo dục các giá trị đạo đức nhân văn cho người Việt Nam hôm nay đặc biệt là thế hệ trẻ. Bởi vì ông đã chỉ ra cho chúng ta biết một trong những nguyên nhân của vấn đề, nguồn gốc của mâu thuẫn và bạo lực đã tiềm ẩn ngay trong tâm con người ra sao. Giá trị thực tiễn của triết lý Krishnamurti là ở chỗ, ông không tặng chúng ta một cách giải quyết theo kiểu “mì ăn liền” những vấn đề của mỗi cá nhân cũng như của thời đại. Ông đã nhìn thấy những vấn đề được coi là triệu chứng của một chứng bệnh được xem là thâm căn, cố đế, nằm sâu trong tâm não của mỗi người chúng ta. Và ông nhắc nhở mọi người hãy nhìn vào nội tâm, dựa vào sức mạnh tinh thần của chính mình để tự giải thoát ra khỏi những xiềng xích tư tưởng rập khuôn của người khác, đừng bao giờ làm nô lệ cho bất cứ loại tư tưởng nào của bất cứ ai dù đó là người có thẩm quyền. Nên thanh lọc những ô nhiễm do bị những “thẩm quyền” nhồi nhét vào tâm não từ

vô thủy. Bản thân ông cũng yêu cầu mọi người coi những lời nói của ông chỉ là lời tâm tình trò chuyện giữa những người bạn, không phải là lời của bậc thầy. Vì nếu coi ai đó là bậc thầy thì cái hào quang tiềm ẩn trong ý nghĩ về bậc thầy đã gián tiếp tước đoạt sự tự do của chính mình trên con đường đi tìm chân lý.

Dẫu biết rằng cuộc sống luôn tiến về phía trước nên buộc mỗi người phải không ngừng nỗ lực phấn đấu để không bị bỏ lại phía sau. Trên hành trình mưu sinh để tồn tại và phát triển, con người đã áp ủ nhiều ước mơ, nuôi dưỡng bao khát vọng với mong muốn chúng sớm trở thành hiện thực. Nhưng không phải ai cũng có ước mơ đẹp, nhu cầu chính đáng. Đâu đó, vẫn có những cá nhân quá tham lam, ích kỷ, chỉ muốn có được tất cả mọi thứ trên cuộc đời này và tìm mọi cách đê hèn, sử dụng nhiều công cụ vô nhân đạo, nhiều phương thức tàn bạo để đạt cho bằng được mục tiêu của cuộc đời về tiền tài, danh vọng, sự nghiệp, hôn nhân - gia đình, giá trị bản thân, quan hệ xã hội, địa vị xã hội... Thậm chí có những người bằng mọi cách, bằng mọi thủ đoạn, bất chấp đạo lý để sao cho nhanh nhất đạt được những mục tiêu của đời mình mà không bao giờ tự hỏi rằng có chính đáng và hợp pháp hay không. Họ dùng tiền, rất nhiều tiền để mua quan bán chức, để chạy chỗ, chạy tội, chạy chức, chạy quyền và sống sa đọa, trụy lạc trong khi rất nhiều người xung quanh còn đang đói khát, nghèo khổ, lam lũ. Nếu không được hoặc chưa được, họ sẽ cảm thấy đau khổ, dằn vặt và không bao giờ cảm thấy mình hạnh phúc rồi đổ cho số phận, đổ lỗi cho người khác, cho xã hội và từ đó có thái độ thù địch với những người xung quanh. Không thích hợp tác, không biết quan tâm, chia sẻ, không biết đồng cảm và sẵn sàng xung đột, đối đầu với tất cả khi cho rằng lợi ích cá nhân bị ảnh hưởng, bị xâm phạm. Một khi mù quáng chạy theo những lợi ích vật chất và tinh thần tầm thường, thực dụng, cá nhân đó đã đánh mất mình, tha hóa mình, trượt dài và trượt sâu vào vũng bùn của tội lỗi, tội ác mà không thể cứu vãn, không thể thoát ra. Chỉ còn một cách duy nhất trả giá cho sai lầm của mình

là hình phạt nghiêm khắc của pháp luật và sự lên án gay gắt của dư luận xã hội, sự phán xét, kết tội của tòa án lương tâm. Khó mà tìm được sự tha thứ, bao dung của cộng đồng xã hội. Đây là kết cục được báo trước cho tất cả những ai đã, đang và có ý định lựa chọn lối sống chỉ biết đề cao cái tôi, tuyên chiến với tất cả. Những kẻ như vậy trong xã hội đang ngày càng nhiều. Đây là mầm mống của sự xuống cấp, băng hoại về đạo đức, bất ổn về chính trị - xã hội, kết băng, lập đảng xã hội đen, hình thành thế giới tội phạm... làm cho xã hội ngày càng trở nên bất an, bất ổn.

Một nguyên nhân khách quan khác phải kể ra ở đây là do mặt trái của cơ chế thị trường đã làm cho sự phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội trên mọi mặt của đời sống xã hội ở nước ta càng trở nên sâu sắc, càng làm cho nhiều người bị tha hóa nhanh bởi chính cái tôi tham lam đã vượt ngưỡng của mình gây ra. Xã hội cũng vì thế mà ngày càng trở nên phức tạp và trở thành môi trường sống nguy hiểm, mất an toàn, đe dọa và luôn rình rập lấy đi cuộc sống an nhiên, hạnh phúc của mọi cá nhân bất cứ lúc nào. Đã đến lúc, hồi chuông cảnh báo về sự xuống cấp, suy thoái đạo đức, vi phạm pháp luật gióng lên liên hồi để thức tỉnh, kêu gọi mọi người hãy bình tâm, tĩnh trí nhìn lại mình để suy xét và chọn điểm dừng, dừng cảm và ngay lập tức từ bỏ những tham vọng quá đáng của mình để đổi lấy sự bình yên, quay về với cái ban đầu thiện lương, thiện lành, tử tế, không so đo hơn thiệt, không chạy theo mục tiêu viển vông, hão huyền, hư danh. Làm được như vậy, chúng ta đã tìm về với Krishnamurti, đã tự thanh lọc tâm hồn, đã giải thoát mình ra khỏi kiếp nô lệ của những cám dỗ vật chất tầm thường, của những toan tính đê hèn, của mọi nhục dục xấu xa và mọi thị phi để đổi lấy sự tự do tuyệt đối, hạnh phúc đích thực và niềm vui trọn vẹn. Làm được như vậy, mỗi cá nhân đã sống theo tinh thần của Krishnamurti, đã biết lựa chọn hướng đi cho cuộc đời của mình một cách thông minh, một sự hiện hữu khôn ngoan, bền vững trong bối cảnh xã hội đương đại có đầy rẫy những áp lực và sự cạnh tranh khốc liệt.

Tóm lại, giá trị nhân văn lớn nhất của tư

tưởng Krishnamurti là ở chỗ, ông nhìn thấy mặt trái của xã hội phương Tây hiện đại và phê phán xã hội từ phía hữu. Tuy chưa vượt qua được sự phê phán thuần túy trước đó nhưng vẫn được coi là một tiếng nói đáng trân trọng về thân phận con người và mở ra một hướng đi lên của con người trong cái sự đối lập của thời đại: “càng nhận thức xa về vũ trụ bao nhiêu càng biết ít về con người bấy nhiêu”. Cả cuộc đời Krishnamurti mong mỏi tìm kiếm một con đường mới để giải thoát con người trong xã hội hiện đại. Có thể điều ông nói chưa trở thành hiện thực, thậm chí mãi mãi chỉ là mơ ước nhưng ít ra Krishnamurti cũng tạo ra những giá trị tiền đề cần thiết để các thế hệ sau tiếp tục nghiên cứu và phát triển thêm để giải quyết những vấn đề bất cập do cách mạng 4.0 để ra.

Với ý nghĩa đó, thông điệp của bài báo này muốn gửi tới thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay là hãy cảm nhận, hãy học hỏi và làm theo sự chỉ dẫn, khuyên nhủ của Krishnamurti để lựa chọn cho mình một hướng đi đúng cho cuộc đời. Hy vọng sẽ tạo ra một thế hệ công dân mới, sống nhân văn, biết khao khát vươn lên, biết cống hiến cho xã hội nhiều cái đúng, cái đẹp, cái tốt nhưng cũng biết thanh lọc để buông bỏ, từ chối, đoạn tuyệt với cái xấu, ác, sai đang giày vò trong suy nghĩ, ý thức của các em để tạo ra sự cân bằng giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của mỗi cá nhân cũng như của toàn xã hội. Một khi biết buông bỏ, thanh lọc những rác rưởi, xấu xa trong ý thức nghĩa là đã biết sống bao dung, độ lượng, vị tha, tự do và tự chủ. Đó chính là biểu hiện của lối sống nhân văn hiện đại cần phải có để người Việt Nam hôm nay làm chủ khoa học, công nghệ thời đại 4.0.

### 3. Kết luận

Giá trị nhân văn của tư tưởng Krishnamurti là không cần phải bàn cãi. Một lần nữa, trên quan điểm duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác, chúng ta nên đọc và cần đọc lại để suy ngẫm và lựa chọn tư tưởng nhân sinh của ông những viên ngọc nhân văn quý giá để có cơ sở khoa học và thực tiễn để ra các giải pháp giáo dục con người Việt Nam nhất là thế hệ trẻ hôm nay cách sống

trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, cách mạng 4.0 và hội nhập quốc tế sâu rộng sao cho đúng đắn, văn minh đầy tính nhân văn, cao thượng góp phần tạo dựng lên một thế giới hòa bình bền vững mà ở đó tự do của xã hội là điều kiện tự do cho mỗi cá nhân. Mỗi chúng ta đặc biệt là thế hệ trẻ nên suy ngẫm về triết lý nhân sinh của Krishnamurti để lựa chọn cho mình một lối sống tử tế, giàu lòng vị tha, nhân văn, nhân đạo khi cuộc cách mạng 4.0 đã gõ cửa từng nhà, từng cửa sổ tâm hồn của mỗi người. Nếu ai cũng giành chút ít thời gian

mỗi ngày của mình để đọc, ngẫm và làm theo những điều Krishnamurti nêu ra ở trên, tôi chắc chắn rằng, lòng họ sẽ bớt đi ưu tư, phiền muộn, biết đủ để sống sao cho hạnh phúc, biết buông để nhẹ lòng, biết sống chậm lại một ít để được thanh thản, biết tha thứ để tránh xung đột không cần thiết, không tiến hành những hành động có mục đích xấu, động cơ thấp hèn, tư lợi cá nhân bất chính đó chính là hướng đi cho cuộc đời an yên, hạnh phúc và đời khi đó thực sự sẽ là dòng sông thanh tấy.

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Tiên Dũng (1999), *Lịch sử triết học phương Tây*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2]. R. Fouère (2007), *Krishnamurti - Cuộc đời và tư tưởng*, (Võ Văn Quế biên dịch), NXB Văn hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3]. P. Jayakar (1997), *Tiểu sử Krishnamurti*, (Mỹ Liên dịch), California.
- [4]. J. Krishnamurti (1969), *Đường vào hiện sinh*, (Trúc Thiên biên dịch), NXB An Tiêm, Sài Gòn.
- [5]. J. Krishnamurti (2002), *Krishnamurti, Cuộc đời và tư tưởng - Tập III: Dòng sông thanh tấy*, (Nguyễn Ước biên dịch), NXB Văn học Hà Nội.
- [6]. J. Krishnamurti (2007), *Cuộc đời phía trước*, (Lê Tuyên biên dịch), NXB Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.
- [7]. J. Krishnamurti (2007), *Tham thiền, vẻ đẹp và tình yêu*, (Thanh Lương- Thiện Sáng dịch), NXB Lao động, Nhà phát hành Văn Lang.
- [8]. Hồ Bá Thâm (2009), “Vấn đề con người, nhân văn trong triết học phương Tây hiện đại và chủ nghĩa duy vật nhân văn hiện nay”, Kỷ yếu hội thảo quốc tế *Những vấn đề triết học phương Tây thế kỷ XX*, tháng 11/2006.

## J.KRISHNAMURTI'S LIFE PHILOSOPHY AND PRACTICAL VALUES FOR EDUCATING HUMANITIES TO THE VIETNAMESE IN THE CURRENT PHASE

### Summary

J.Krishnamurti was the 20th century's great life philosopher. His philosophy raises issues to not only contemporary concerns but to all times because these are eternal problems in human life such as fate, existence, transcendence and deterioration. In his view, human deterioration in modern Western society is caused by the self filled with selfishnesses. He offered solutions to persuade people to purify individuals and social souls via such lifestyles as "life without focus", "Living is a timeless phenomenon, knowing is without contemplations and acting without intents". In fact, these are spiritual solutions, inclining to move and awaken the inner world, awakening individual consciousness in human life. Although these are not new in the philosophical and idealistic history, Krishnamurti's most important contribution is to point out the emerging problems in individual life as well as in modern society nowadays.

Keywords: Life is a purifying river, deterioration, Krishnamurti's life philosophy, humanistic thought.

Ngày nhận bài: 15/5/2019; Ngày nhận lại: 04/10/2019; Ngày duyệt đăng: 16/10/2019.